

Lý giải cho kết quả sống tích lũy sau 5 năm trong nghiên cứu này thấp là do nguyên nhân có tới 26/43 (55,3%) bệnh nhân không điều trị gì sau phẫu thuật. Mặt khác số bệnh nhân được phẫu thuật vào cuối năm 2019 – khi đại dịch Covid hoành hành, gây cản trở và khó khăn cho việc di chuyển, tái khám cũng như điều trị bệnh tại tuyến trung ương.

V. KẾT LUẬN

1. Đặc điểm u nguyên bào tuỷ

Tuổi mắc bệnh trung bình: 13.19 ±10.47.

Tỉ lệ Nam / Nữ = 1,6.

Karnofsky trước mổ: 69,04±14,59.

Vị trí u trên cộng hưởng từ: thùy nhộng 84,6%, 15,4% ở bán cầu.

Kích thước u trên cộng hưởng từ: 41,75 ± 7,6mm, nhỏ nhất 25mm, lớn nhất 60mm.

2. Kết quả điều trị

Mức độ lấy u: lấy toàn bộ u: 73,1%, lấy gần hoàn toàn: 25,0%.

45,8% số bệnh nhân chỉ phẫu thuật.

Thời gian sống sót ở nhóm chỉ phẫu thuật: 10,84 ±3,97 tháng, ở nhóm được điều trị phối hợp: 54,1±7,74 tháng.

Tỷ lệ sống sau 1 năm: 42,6%, sau 5 năm 29,3%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **B Q Tuyền.** Bệnh học thần kinh, sau đại học. Bệnh học thần kinh, sau đại học Nhà xuất bản quân đội nhân dân. 2003:207-224.
2. **System TWHOCOtotCN.** World Health Organization Classification of Tumors of the

Central Nervous System. Acta Neuropathologica. Acta Neuropathologica. 2016;Volume 131(Issue 6):803–820.

3. **Bavle A, Parsons DW.** From One to Many: Further Refinement of Medulloblastoma Subtypes Offers Promise for Personalized Therapy. Cancer Cell. Jun 12 2017;31(6):727-729.
4. **Packer RJ, Zhou T, Holmes E, Vezina G, Gajjar A.** Survival and secondary tumors in children with medulloblastoma receiving radiotherapy and adjuvant chemotherapy: results of Children's Oncology Group trial A9961. Neuro Oncol. Jan 2013;15(1):97-103. doi: 10.1093/neuonc/nos267
5. **Kumar LP, Deepa SF, Moinca I, Suresh P, Naidu KV.** Medulloblastoma: A common pediatric tumor: Prognostic factors and predictors of outcome. Asian J Neurosurg. Jan-Mar 2015; 10(1):50. doi:10.4103/1793-5482.151516
6. **Jenkin D, Shabanah MA, Shail EA, et al.** Prognostic factors for medulloblastoma. International Journal of Radiation Oncology*Biophysics. 2000;47(3):573-584. doi:10.1016/s0360-3016(00)00431-4
7. **Yu J, Zhao R, Shi W, Li H.** Risk factors for the prognosis of pediatric medulloblastoma: a retrospective analysis of 40 cases. Clinics. 2017; 72(5):294-304. doi:10.6061/clinics/2017(05)07
8. **Christopherson KM, Bradley JA, Rotondo RL, et al.** Local control in non-metastatic medulloblastoma. Acta Oncol. Sep 2014; 53(9): 1151-7. doi:10.3109/0284186x.2014.932434
9. **Vinchon M, Leblond P.** Medulloblastoma: Clinical presentation. Neurochirurgie. Feb 2021; 67(1):23-27. doi:10.1016/j.neuchi.2019.04.006
10. **T V Học.** Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, mô bệnh học và đánh giá kết quả điều trị u tiểu não ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung ương. Luận án tiến sĩ y học, Đại học Y Hà Nội. 2016;

THỰC TRẠNG SỨC KHOẺ, BỆNH TẬT Ở NGƯỜI LAO ĐỘNG MỎ THAN NA DƯƠNG, LẠNG SƠN

Lê Thị Thanh Hoa¹, Dương Thị Hậu¹,
Trương Thị Thùy Dương¹, Nguyễn Việt Quang¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng sức khỏe, bệnh tật ở người lao động mỏ than Na Dương, Lạng Sơn năm 2022. **Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 408 người. Số liệu được thu thập thông qua khám sức khỏe. Kết quả cho thấy

sức khoẻ loại II chiếm tỉ lệ cao nhất (59,8%), tỉ lệ người lao động mắc 1 loại bệnh/chứng bệnh chiếm tỉ lệ cao nhất 36,5%, không mắc loại bệnh/chứng bệnh nào chiếm 7,1%. Bệnh/chứng bệnh răng hàm mặt chiếm 50,7%, sau đó đến tai mũi họng (33,8%), tiêu hoá (32,8%)... hô hấp (4,7%), da liễu (1,7%), bệnh nghề nghiệp (4,2%). Như vậy sức khỏe, bệnh tật của người lao động mỏ than Na Dương chưa tốt, còn xuất hiện các trường hợp sức khỏe loại IV và tỉ lệ mắc bệnh răng hàm mặt, tai mũi họng và tiêu hóa còn tương đối cao. Cần phải có kế hoạch tổ chức lao động hợp lý và điều trị bệnh kịp thời cho người lao động.

Từ khóa: sức khỏe; bệnh tật; người lao động; mỏ than; Lạng Sơn.

¹Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên

Chịu trách nhiệm chính: Lê Thị Thanh Hoa

Email: linhtrang249@gmail.com

Ngày nhận bài: 10.4.2023

Ngày phản biện khoa học: 22.5.2023

Ngày duyệt bài: 15.6.2023

SUMMARY**THE CURRENT STATE OF HEALTH AND DISEASE AMONG WORKERS AT NA DUONG COAL MINE, LANG SON**

Objective: To describe the current state of health and disease among workers at Na Duong coal mine, Lang Son, 2022. **Methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 408 workers. Data is collected through health check for workers. The results showed that type II health accounted for the highest rate (59.8%), 36.5% of workers have 1 disease, without any disease accounted for 7.1%. Dental disease/disease accounted for 50.7%, followed by otolaryngology (33.8%), digestive (32.8%)... respiratory (4.7%), dermatology (1.7%), occupational diseases (4.2%). Thus, the health and diseases of Na Duong coal workers are not good, there are still cases of type IV health, and the incidence of dental, ENT, and digestive diseases is still relatively high. It is necessary to have a reasonable labor organization plan and timely treatment of diseases for workers.

Keywords: health; disease; worker; coal mine; Lang Son.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngành công nghiệp khai thác than hiện nay có vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, không chỉ ở Việt Nam mà còn trên toàn thế giới. Tuy nhiên hoạt động khai thác than đã được chứng minh là để lại những tác động tiêu cực đáng kể đến môi trường cũng như cộng đồng sống xung quanh khu vực khai thác, đặc biệt đối với người lao động. Báo cáo Hoạt động y tế lao động và phòng chống bệnh nghề nghiệp năm 2021 của Cục Quản lý môi trường Y tế năm 2021 có tổng số 750.188 trường hợp người lao động được ghi nhận đã đến khám chữa bệnh tại cơ sở y tế. Các bệnh thường mắc chiếm tỷ lệ cao nhất vẫn là các bệnh viêm đường hô hấp trên như viêm xoang, mũi họng, thanh quản cấp (chiếm 20%), bệnh viêm dạ dày, ruột cấp tính, tiêu chảy (10,7%), bệnh viêm loét dạ dày, tá tràng (5,6%), bệnh về mắt (9,5%) [2]. Năm 2014, Đỗ Văn Tùng nghiên cứu trên người lao động xí nghiệp hầm lò, mỏ than 35 - Công ty than Đông Bắc, kết quả cho thấy tỉ lệ bệnh răng hàm mặt chiếm tỉ lệ cao nhất 54,9%, bệnh tai mũi họng chiếm 42,3%, sau đó là bệnh mắt 16,1%, bệnh viêm phế quản 6,1%, ngoài da 6,6% [6]. Theo Nguyễn Như Đua tỉ lệ người lao động khai thác than bị viêm mũi xoang mạn tính khá cao (63,55%) [4].

Mỏ than Na Dương với đặc thù khai thác theo kiểu lộ thiên, than có thể cháy tự nhiên, hàm lượng lưu huỳnh lớn, khi gặp nước loại than này có thể chuyển hóa thành axit sunfuric. Do đó nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động

là rất rõ rệt. Vậy thực trạng sức khỏe, bệnh tật ở người lao động mỏ than Na Dương hiện nay như thế nào? Để giải đáp vấn đề trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài với mục tiêu: *Mô tả thực trạng sức khỏe, bệnh tật ở người lao động mỏ than Na Dương, Lạng Sơn năm 2022.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Người lao động sản xuất trực tiếp (người lao động) có tuổi nghề từ 6 tháng trở lên tính đến thời điểm nghiên cứu. Lý do chúng tôi chọn người lao động có tuổi nghề từ tuổi nghề từ 6 tháng trở lên để đảm bảo đủ thời gian tiếp xúc với yếu tố tác hại trong môi trường lao động để gây ra các vấn đề về sức khỏe, bệnh tật cho người lao động.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu: mỏ than Na Dương, Lạng Sơn trong khoảng thời gian từ tháng 1/2022 đến tháng 12/2022.

2.3. Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp nghiên cứu: mô tả
- Thiết kế cắt ngang

2.4. Cỡ mẫu và cách chọn mẫu: chọn có chủ đích toàn bộ người lao động sản xuất trực tiếp đảm bảo tiêu chuẩn chọn mẫu và có tham gia khám đầy đủ tất cả các chuyên khoa theo quy định, kết quả chọn được 408 người lao động vào nghiên cứu.

2.4. Chi số nghiên cứu

- Tỉ lệ phân loại sức khỏe người lao động: loại I, II, III, IV, V.
- Tỉ lệ một số bệnh/chứng bệnh thường gặp ở người lao động
- Tỉ lệ phân loại bệnh tật ở người lao động
- Tỉ lệ cơ cấu bệnh/chứng bệnh răng hàm mặt của người lao động
- Tỉ lệ cơ cấu bệnh/chứng bệnh tai mũi họng của người lao động
- Tỉ lệ cơ cấu bệnh/chứng bệnh tiêu hóa của người lao động

2.5. Cách thu thập, phân tích và xử lý số liệu: Số liệu được thu thập thông qua khám sức khỏe cho người lao động, kết hợp phỏng vấn trực tiếp một số thông tin chung, sau đó được điền vào mẫu phiếu thiết kế sẵn. Phiếu sau đó được làm sạch, nhập xử lý và phân tích theo các thuật toán thống kê y sinh học bằng phần mềm SPSS 22.0.

2.6. Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu đã được thông qua bởi Hội đồng đạo đức Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**Bảng 1. Tỉ lệ phân loại sức khỏe người**

lao động theo giới

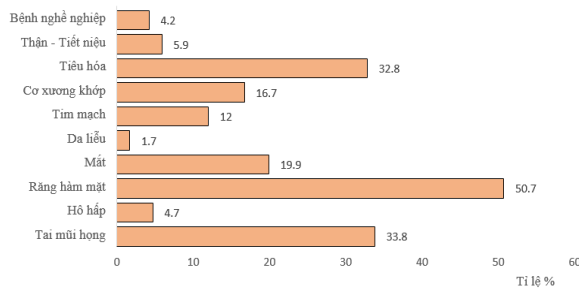
| Phân loại SK | Nam (SL = 352) | | Nữ (SL = 56) | | Tổng (SL = 408) | |
|--------------|----------------|------|--------------|------|-----------------|------|
| | SL | % | SL | % | SL | % |
| Loại I | 10 | 2,8 | 0 | 0 | 10 | 2,5 |
| Loại II | 211 | 59,9 | 33 | 58,9 | 244 | 59,8 |
| Loại III | 122 | 34,7 | 21 | 37,5 | 143 | 35,0 |
| Loại IV | 9 | 2,6 | 2 | 3,6 | 11 | 2,7 |
| Loại V | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

Nhận xét: Tỷ lệ người lao động cả nam và nữ có sức khỏe loại II và III chiếm tỷ lệ cao nhất, tuy nhiên còn 2,7% người lao động có sức khỏe loại IV.

Bảng 2. Tình hình mắc bệnh/chứng bệnh của người lao động

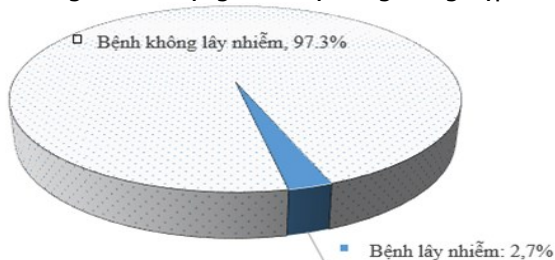
| Bệnh/chứng bệnh | Số lượng (n = 408) | Tỷ lệ % |
|-----------------|--------------------|---------|
| Không mắc | 29 | 7,1 |
| 1 loại | 149 | 36,5 |
| 2 loại | 132 | 32,4 |
| 3 loại | 63 | 15,4 |
| >= 4 loại | 35 | 8,6 |

Nhận xét: Tỷ lệ người lao động mắc 1 loại bệnh/chứng bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất 36,5%, không mắc bệnh/chứng bệnh chiếm 7,1%, tuy nhiên có đến 8,6% mắc từ 4 bệnh/chứng bệnh trở lên.



Biểu đồ 1. Tỷ lệ một số bệnh/chứng bệnh thường gặp ở người lao động

Nhận xét: Tỷ lệ người lao động mắc bệnh/chứng bệnh răng hàm mặt chiếm tỷ lệ cao nhất 50,7%, sau đó đến các bệnh/chứng bệnh tiêu hóa 37,5%, tai mũi họng 33,8%, da liễu chiếm tỷ lệ thấp nhất (1,7%), tuy nhiên có đến 4,2% người lao động mắc bệnh nghề nghiệp.



Biểu đồ 2. Phân loại bệnh tật ở người lao động

Nhận xét: Tỷ lệ người lao động mắc bệnh không lây nhiễm chiếm 97,3%, bệnh lây nhiễm 2,7%.

Bảng 3. Cơ cấu bệnh/chứng bệnh răng hàm mặt của người lao động

| Bệnh/chứng bệnh | Số lượng (n = 408) | Tỷ lệ % |
|-----------------|--------------------|---------|
| Sâu răng | 21 | 5,1 |
| Viêm lợi | 129 | 31,6 |
| Lợi trùm | 9 | 2,2 |
| Răng mọc lệch | 11 | 2,7 |
| Mất răng | 54 | 13,2 |
| Khác | 3 | 0,7 |

Nhận xét: Viêm lợi chiếm tỷ lệ cao nhất (31,6%), mất răng chiếm 13,2%, lợi trùm 2,2% và các bệnh/chứng bệnh khác 0,7%.

Bảng 4. Cơ cấu bệnh/chứng bệnh tai mũi họng của người lao động

| Bệnh/chứng bệnh | Số lượng (n = 408) | Tỷ lệ % |
|--------------------|--------------------|---------|
| Viêm mũi họng mạn | 72 | 17,6 |
| Viêm xoang, amidal | 47 | 11,5 |
| Polip mũi | 1 | 0,2 |
| Viêm tai | 21 | 5,1 |

Nhận xét: Tỷ lệ viêm mũi họng mạn tính chiếm cao nhất 17,6%, thấp nhất là polip mũi 0,2%.

Bảng 5. Cơ cấu bệnh/chứng bệnh tiêu hóa của người lao động

| Bệnh/chứng bệnh | Số lượng (n = 408) | Tỷ lệ % |
|------------------|--------------------|---------|
| Viêm dạ dày | 8 | 2,0 |
| Trào ngược | 4 | 1,0 |
| Viêm đại tràng | 5 | 1,2 |
| Viêm gan, xơ gan | 9 | 2,2 |
| Gan nhiễm mỡ | 110 | 27,0 |

Nhận xét: Tỷ lệ gan nhiễm mỡ chiếm cao nhất 27%, thấp nhất là trào ngược 1,2%.

IV. BÀN LUẬN

Than Na Dương là loại than đặc chủng hiếm có tại Việt Nam có thể cháy tự nhiên, hàm lượng lưu huỳnh lớn, khi gặp nước, loại than này có thể chuyển hóa thành axit sunfuric, nếu thải ra môi trường sẽ ảnh hưởng tới sức khỏe và môi trường sống xung quanh. Theo Báo cáo của Cục quản lý Môi trường y tế, trong năm 2021, có 1.458.828 người lao động được khám sức khỏe định kỳ (giảm 17% so với năm 2020). Số người lao động đạt sức khỏe tốt (loại I và II) chiếm 65,7%. Tỷ lệ đạt sức khỏe loại III là 20,8%. Người lao động có sức khỏe yếu (loại IV, V) chiếm tỷ lệ thấp nhất khoảng 13,5% [2]. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi ở bảng 1 cho thấy người lao động có sức khỏe loại II và loại III là chủ yếu. Trên thực tế nghề khai thác mỏ nằm trong danh mục nghề,

công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nguy hiểm [1]. Do đó đòi hỏi người lao động cần phải có sức khỏe tốt. Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy có 35% người lao động có sức khỏe loại III, 2,7% có sức khỏe loại IV, không có trường hợp nào có sức khỏe loại V. Như vậy với các đối tượng người lao động có sức khỏe loại III và IV thì y tế cơ quan cần phải có kế hoạch theo dõi, giám sát cụ thể, dành riêng cho các đối tượng này để đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Đặc biệt với những trường hợp có sức khỏe loại IV cần xem xét, sắp xếp chuyển vị trí công tác sang các vị trí không phải tiếp xúc với các yếu tố tác hại nghề nghiệp hoặc nghỉ chế độ theo quy định để đảm bảo sức khỏe cũng như an toàn trong lao động.

Kết quả bảng 2 cho thấy có 7,1% không mắc bệnh/chứng bệnh nào, như vậy 92,9% mắc ít nhất 1 bệnh/chứng bệnh trở lên, trong đó 8,6% mắc từ 4 bệnh/chứng bệnh trở lên. Như vậy với một nghề lao động nặng nhọc, độc hại như khai thác mỏ, cần thiết phải có thêm các nghiên cứu cung cấp bằng chứng khoa học về mức độ ảnh hưởng của yếu tố nghề nghiệp đối với sức khỏe, bệnh tật ở người lao động.

Về cơ cấu và tỉ lệ bệnh/chứng bệnh ở người lao động nghiên cứu của chúng tôi cho thấy các bệnh răng hàm mặt chiếm tỉ lệ cao nhất sau đó đến các bệnh mũi họng, tiêu hóa. Tỉ lệ mắc bệnh lây nhiễm 2,7%, không lây nhiễm 93,7%. Trong cơ cấu bệnh/chứng bệnh răng hàm mặt: Viêm lợi chiếm tỉ lệ cao nhất (31,6%). Trong cơ cấu bệnh/chứng bệnh tai mũi họng: viêm mũi họng mạn tính chiếm cao nhất 17,6%. Trong cơ cấu bệnh/chứng bệnh tiêu hóa: tỉ lệ gan nhiễm mỡ chiếm cao nhất 27%. Năm 2014, Đỗ Văn Tùng nghiên cứu trên người lao động xí nghiệp hầm lò, mỏ than 35 - Công ty than Đông Bắc, kết quả cho thấy tỉ lệ bệnh răng hàm mặt cũng chiếm tỉ lệ cao nhất 54,9% [6]. Bệnh răng miệng ở người lao động ngoài việc liên quan đến môi trường thì yếu tố thói quen sinh hoạt đóng vai trò quan trọng. Trong khi với bệnh mũi họng và bệnh ở đường hô hấp dưới thì yếu tố lao động đóng vai trò quan trọng, nguyên nhân bởi môi trường làm việc của người lao động khai thác than có chứa nhiều bụi, hơi khí độc, vi khí hậu nóng ẩm, cũng như các loại nấm mốc, vi sinh vật gây bệnh. Đây có thể chính là các nguyên nhân dẫn đến việc người lao động mắc các bệnh lý đường hô hấp với tỉ lệ tương đối cao trong một số nghiên cứu tương tự [3], [4], [5], [6]. Nguyễn Việt Quang năm 2020 nghiên cứu tỉ lệ mắc bệnh tai mũi họng ở người lao động luyện cốc (nguyên liệu

than) cho thấy 56,6% mắc bệnh [5]. Như vậy trong nghiên cứu của chúng tôi tỉ lệ mắc bệnh/chứng bệnh tai mũi họng thấp hơn. Nghiên cứu của Khương Văn Duy, tỉ lệ hiện mắc bệnh bụi phổi than ở người lao động tại một Công ty khai thác than hầm lò, năm 2020 cho thấy tỉ lệ hiện mắc thô bệnh bụi phổi than tại Công ty này là 21,3%, mắc chuẩn theo tuổi là 10,3% [3]. Đây là bệnh nghề nghiệp hay gặp do ảnh hưởng của bụi than trong quá trình lao động [7]. Trong nghiên cứu của chúng tôi tỉ lệ mắc bệnh nghề nghiệp là 4,2%, thấp hơn so với tác giả Khương Văn Duy. Tuy nhiên trong kết quả khám cận lâm sàng (X quang) cho thấy một số trường hợp có biểu hiện xơ hóa phổi, những người lao động này cần được làm thêm các xét nghiệm khác cũng như khám chuyên khoa để chẩn đoán xác định, do đó con số mắc bệnh nghề nghiệp mở người lao động mỏ than Na Dương trong tương lai có thể gia tăng. Cũng theo báo cáo của Cục quản lý Môi trường y tế thì tính đến năm 2022 bệnh bụi phổi silic vẫn là bệnh có tỉ lệ người lao động mắc cao nhất [1]. Như vậy y tế cơ quan cần phải lập kế hoạch để khám, phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp cho người lao động, đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe nói chung cho người lao động ở mỏ than Na Dương, Lạng Sơn.

V. KẾT LUẬN

Sức khỏe, bệnh tật của người lao động mỏ than Na Dương chưa tốt, còn xuất hiện các trường hợp sức khỏe loại IV và tỉ lệ mắc bệnh răng hàm mặt, tai mũi họng, tiêu hóa tương đối cao.

- Sức khỏe loại II chiếm tỉ lệ cao nhất (59,8%), sau đó đến loại III (35,0%), loại IV (2,7%), loại I (2,5%), thấp nhất là loại V (0%).

- Tỉ lệ người lao động mắc 1 loại bệnh/chứng bệnh chiếm tỉ lệ cao nhất 36,5%, mắc 2 loại (32,4%), 3 loại (15,4%), mắc 4 loại trở lên (8,6%), thấp nhất là không mắc loại bệnh/chứng bệnh nào chiếm 7,1%.

- Bệnh/chứng bệnh răng hàm mặt chiếm tỉ lệ cao nhất (50,7%), sau đó đến tai mũi họng (33,8%), tiêu hoá (32,8%)... hô hấp (4,7%), da liễu (1,7%), bệnh nghề nghiệp (4,2%).

- Trong cơ cấu bệnh/chứng bệnh răng hàm mặt: Viêm lợi chiếm tỉ lệ cao nhất (31,6%).

- Trong cơ cấu bệnh/chứng bệnh tai mũi họng: viêm mũi họng mạn tính chiếm cao nhất 17,6%.

- Trong cơ cấu bệnh/chứng bệnh tiêu hóa: tỉ lệ gan nhiễm mỡ chiếm cao nhất 27%.

VI. KHUYẾN NGHỊ

Cần có các biện pháp chăm sóc, phục hồi sức

khỏe và được chuyển vị trí công tác hoặc nghỉ chế độ đối với các trường hợp sức khỏe loại IV.

Cần có kế hoạch, chăm sóc, dự phòng cho người lao động để hạn chế tỉ lệ mắc bệnh, đặc biệt các nhóm bệnh răng hàm mặt, tai mũi họng và tiêu hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội** (2020). Ban hành danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020.
2. **Cục quản lý Môi trường y tế** (2022). Báo cáo Hoạt động y tế lao động và phòng chống bệnh nghề nghiệp năm 2021. Tháng 3 năm 2022. Bộ Y tế.
3. **Khương Văn Duy, Lê Quang Chung, Khương Thị Bích Phượng** (2021). Tỷ lệ hiện mắc bệnh bụi phổi than ở người lao động tại một Công ty khai thác than hầm lò, năm 2020. Tạp chí nghiên

cứu Y học: Tập 144, Số 8 (2021).

4. **Nguyễn Như Đua** (2021). Nghiên cứu thực trạng bệnh viêm mũi xoang mạn tính ở người lao động ngành than - công ty Nam Mẫu Ưông Bí Quảng Ninh và đánh giá hiệu quả của biện pháp can thiệp. Luận án Tiến sĩ Y học, Trường Đại học Y Hà Nội. 2021.
5. **Nguyễn Việt Quang, Hoàng Thu Hà, Lê Thị Thanh Hoa và cộng sự** (2022). Đặc điểm bệnh tai mũi họng của công nhân nhà máy Cốc hóa, Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên năm 2021. Tạp chí Y học Việt Nam. 2022: Tập 515, Tháng 5, Số đặc biệt: 3 - 8.
6. **Đỗ Văn Tùng** (2014). Khảo sát bệnh Tai Mũi Họng thường gặp của công nhân xí nghiệp hầm lò mỏ than 35 - Tổng công ty than Đông Bắc. Luận văn Thạc sĩ Y học. Trường Đại học Y Hà Nội. 2014
7. **Ting Liu, Shimin Liu** (2020). The impacts of coal dust on miners' health: A review. Res: 2020 Nov;190:109849. doi: 10.1016/j.envres.2020.109849.

TRẢI NGHIỆM NGƯỜI BỆNH NỘI TRÚ VỚI NHÂN VIÊN Y TẾ (NVYT) TẠI KHOA NGOẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ VINMEC TIMES CITY NĂM 2021 VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Nguyễn Huy Hoàng¹, Trần Thị Phúc Nguyệt², Phạm Tường Vân³

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả trải nghiệm người bệnh với chăm sóc của bác sĩ, điều dưỡng tại khoa Ngoại bệnh viện Đa khoa quốc tế Vinmec Times City năm 2021 và xác định một số yếu tố liên quan. **Đối tượng và phương pháp:** Mô tả cắt ngang trên 228 người bệnh nằm tại Khoa ngoại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City, số liệu thu thập thông qua bộ công cụ đánh giá trải nghiệm do cơ quan nghiên cứu chất lượng Y tế của Mỹ xây dựng. **Kết quả:** Trải nghiệm của người bệnh về chăm sóc của điều dưỡng: tích cực 90,4%; chưa tích cực 9,6%. Trải nghiệm tích cực với thái độ tôn trọng là 98,7%, lắng nghe 99,1%; giải thích dễ hiểu 97,4% và giúp đỡ khi được gọi là 98,7%. Trải nghiệm của người bệnh về chăm sóc của bác sĩ: tích cực 92,1%; chưa tích cực 7,9%. Trong đó nhận được sự tôn trọng là 95,6%, lắng nghe bày tỏ 95,2% và giải thích dễ hiểu 94,7%. Mỗi liên quan cho thấy người bệnh có trình độ THPT trở xuống có mức độ trải nghiệm tích cực cao hơn 2,9 lần so với trình độ cao hơn (trải nghiệm với điều dưỡng). Thời gian nằm viện từ 2 ngày trở xuống có trải nghiệm mức độ tích cực cao hơn 3,8 lần và 3,6 lần so với nhóm nằm viện trên

2 ngày (trải nghiệm với điều dưỡng và bác sĩ tương ứng). **Kết luận:** Người bệnh có trải nghiệm tích cực với NVYT là rất cao, tuy nhiên cần rà soát tìm nguyên nhân và cải tiến chất lượng phục vụ đối với những trải nghiệm tiêu cực của người bệnh.

Từ khóa: trải nghiệm của người bệnh, bác sĩ và điều dưỡng.

SUMMARY

EXPERIENCE OF INPATIENTS WITH MEDICAL STAFF AT THE DEPARTMENT OF SURGERY VINMEC TIMES CITY INTERNATIONAL GENERAL HOSPITAL IN 2021 AND SOME RELATED FACTORS

Objective: Describe the patient's experience with the care of doctors and nurses at the Department of Surgery at Vinmec Times City International Hospital in 2021 and identify some related factors. **Subjects and methods:** Cross-sectional description of 228 patients at the Surgery Department of Vinmec Times City International General Hospital, data collected through the experience assessment toolkit developed by the Medical Quality Research Agency built by the US. **Results:** Patient's experience of nursing care: positive 90.4%; not positive 9.6%. Positive experience with respect is 98.7%, listening 99.1%; easy to understand explanations 97.4% and help when called 98.7%. Patient's experience of doctor's care: positive 92.1%; not positive 7.9%. In which, 95.6% of respect is received, 95.2% is listened to, and 94.7% is easy to understand. The relationship shows that patients with a high school education or less have a positive

¹Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vimec Times City

²Trường Đại học Thăng Long

³Trường Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Phạm Tường Vân

Email: phamtuongvan@hmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 11.4.2023

Ngày phản biện khoa học: 23.5.2023

Ngày duyệt bài: 19.6.2023